TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2018
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Hoàng Toàn
2/. Bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 04/2018/TLST-HN ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1963
Địa chỉ: ấp BC, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1967
Địa chỉ: ấp BC, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông D có mặt tại phiên tòa, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Thành D và bị đơn bà Trần Thị T thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà cưới nhau vào khoảng tháng 8/1987, nhưng đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo ông D xác định: thời gian đầu cưới nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau đó vài năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Vợ chồng ông bà đã ly thân cách đây khoảng 10 năm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên ông D yêu cầu xin được ly hôn với vợ ông là bà T.

Bà Trần Thị T thống nhất với lời trình bày của ông D đồng ý với lời trình bày của ông D và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D.

Về quan hệ con chung: ông D và bà T thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng ông bà có một người con chung tên Nguyễn Thanh Sự, sinh năm 1992. Hiện nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên ông bà không yêu cầu xem xét về con chung.

Về quan hệ tài sản chung: ông D và bà T thống nhất xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, khi ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: ông D và và bà T thống nhất xác định ông bà không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà. Khi ly hôn ông bà không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà Trần Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng D sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị T.

Về nội dung vụ án: ông D và bà T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà T.

Về con chung: người con tên Nguyễn Thanh Sự, sinh năm 1992 hiện nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông D và bà T không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với bà T. Bà T có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà T có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2] Về nội dung vụ án: ông D và bà T thống nhất xác định cưới nhau vào khoảng tháng 8/1987, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến nay thì ông bà đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa ông D và bà T là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa ông D và bà T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông D xin ly hôn với bà T thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho ông D và bà T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: người con tên Nguyễn Thanh Sự, sinh năm 1992 hiện nay con đã trưởng thành và có gia đình riêng, ông D và bà T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: ông D và bà T thống nhất xác định vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, khi ly hôn ông bà không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: ông D và và bà T thống nhất xác định ông bà không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà. Khi ly hôn ông bà yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị T là vợ chồng.

2/.Về quan hệ con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí: ông Nguyễn Thành D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006902 ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho ông Nguyễn Thành D biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;